

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hướng dẫn sử dụng thuốc

Rx

VINSALMOL 5MG

"Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc"

"Để xa tầm tay trẻ em"

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"

Thành phần công thức của thuốc: Công thức cho một ống 5 ml:

Thành phần được chất: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)5,00 mg

Thành phần tá dược: Natri clorid, dinatri edetat, dung dịch acid sulfuric 1 M, nước để pha thuốc tiêm vd5,0 ml

Dạng bào chế:

Dạng bào chế: Dung dịch tiêm

Chế phẩm là dung dịch trong, không màu đến màu vàng nhạt, được đóng trong ống thủy tinh hàn kín, không rạn nứt, không đen đầu

pH 3,0 ÷ 5,0

Chỉ định:

Trong nội khoa hô hấp: Giảm co thắt khí quản nặng.

Trong sản khoa: Thuốc được chỉ định một thời gian ngắn trong chuyển dạ sớm khi không có biến chứng và xảy ra từ tuần thứ 22 đến 37 của thai kỳ, mục đích làm chậm thời gian sinh để có thời gian cho liệu pháp corticosteroid có tác dụng đối với phát triển của phổi thai nhi hoặc để có thể chuyển người mẹ đến một đơn vị có chăm sóc tăng cường trẻ sơ sinh.

Liều dùng - cách dùng:

Liều dùng:

- *Trong nội khoa hô hấp:*

Người lớn: Tiêm truyền tĩnh mạch với liều thông thường từ 0,25 đến 1,5 mg/giờ (pha loãng thành dung dịch 5 mg/500 ml (10 microgam/ml)). Liều này sẽ được điều chỉnh sau mỗi 10 phút tùy theo liệu trình lâm sàng và khả năng dung nạp của bệnh nhân.

Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ: Liều nạp ban đầu 5 microgam/kg trong khoảng thời gian 5 phút, sau đó dùng liều duy trì 0,1 đến 0,3 microgam/kg.

- *Trong sản khoa*

Điều trị cấp cứu: Sản phụ phải nằm bệnh viện, nghỉ ngơi, nằm nghiêng bên trái. Trước khi tiêm hoặc đặt ống tiêm truyền, nên làm một điện tim đồ. Phải chú ý đặc biệt đến chức năng tim - phổi và cân bằng nước - điện giải. Theo dõi thường xuyên mạch, huyết áp của bà mẹ và điều chỉnh tốc độ truyền để mạch phải ở dưới 120 nhịp/phút.

Nếu có thể, nên dùng bơm tiêm điện để hạn chế lượng dịch đưa vào cơ thể, tránh nguy cơ phù phổi cấp tuy hiếm. Phải ngừng ngay tiêm truyền khi bắt đầu có biểu hiện phù phổi hoặc thiếu máu cơ tim.

Nếu truyền dịch, tốc độ truyền không được vượt quá 15 - 20 giọt/phút, để không vượt quá 1,5 lít tổng lượng truyền trong 24 giờ. Lúc đó, chuẩn bị pha một dung dịch nồng độ 20 microgam/ml bằng cách pha 2 ống thuốc tiêm Vinsalmol 5mg (tức là 10 mg salbutamol) vào 500 ml dung dịch natri clorid 0,9% hoặc glucose 5%.

Bất luận cách dùng nào, lưu lượng ban đầu là 15 - 20 microgam/phút (15 tới 20 giọt/phút trong trường hợp truyền có nồng độ 20 microgam/ml). Lưu lượng này có thể tăng dần, từng nấc từ 5 đến 10 microgam/phút cách nhau 10 phút.

Theo quy tắc chung, lưu lượng duy trì hiệu quả phải thấp hơn lưu lượng ban đầu và trung bình nằm giữa 10 đến 20 microgam/phút.

Vẫn duy trì lưu lượng trong giờ tiếp theo tử cung ngừng cơn co bóp, sau đó giảm tới liều tối thiểu để duy trì kết quả này cho đến ngày hôm sau.

Cách dùng:

Tiêm truyền tĩnh mạch.

Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

Chống chỉ định:

Mẫn cảm với salbutamol hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tuổi thai nhỏ hơn 22 tuần.

Bệnh nhân có tiền sử hoặc có yếu tố nguy cơ đáng kể của bệnh tim thiếu máu cục bộ.

Bệnh nhân có nguy cơ sảy thai tự nhiên trong ba tháng đầu và ba tháng thứ hai của thai kỳ.

Bất kỳ tình trạng nào của mẹ hoặc thai nhi trong đó kéo dài thời gian mang thai là nguy hiểm: Nhiễm độc máu nặng, nhiễm khuẩn trong tử cung, chảy máu âm đạo do nhau tiền đạo, sản giật hoặc tiền sản giật nặng, nhau bong non.

Tử vong thai nhi trong tử cung do dị tật nhiễm sắc thể bẩm sinh hoặc gây chết người.

Salbutamol cũng chống chỉ định trong tình trạng y tế mà thuốc chủ vận beta₂ tác động không thuận lợi như tăng huyết áp động mạch phổi, rối loạn tim như bệnh cơ tim phì đại tắc nghẽn hoặc bất kỳ sự tắc nghẽn nào của đường tiết lưu thất trái như hẹp động mạch chủ.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Sử dụng trong hô hấp:

Cảnh báo:

Việc sử dụng các chất chủ vận beta-2 theo đường toàn thân đôi khi có thể làm bộc lộ ra một bệnh lý tim chưa biết trước đó. Bất cứ khi nào có thể, sử dụng bằng đường hô hấp nên được ưu tiên.

Thuốc có hoạt tính giao cảm, bao gồm salbutamol, có thể gây ra các tác dụng trên tim mạch. Các trường hợp thiếu máu cơ tim liên quan đến salbutamol đã được báo cáo. Bệnh nhân có tiền sử mắc bệnh tim nặng (ví dụ, bệnh tim thiếu máu cục bộ, rối loạn nhịp tim hoặc suy tim nặng) nên được thông báo về sự cần thiết phải tham khảo ý kiến bác sĩ nếu đau ngực hoặc các triệu chứng khác gợi ý làm xấu đi bệnh tim của họ.

Gây mê bằng halothan không được khuyến cáo trong quá trình điều trị (xem mục Tương tác thuốc).

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Hộp thuốc Vinsalmol 5mg

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai:

Nghiên cứu salbutamol trên động vật không chứng minh được tác dụng gây quái thai hoặc độc cho thai. Trong lâm sàng, phân tích một số lượng lớn phụ nữ mang thai dùng salbutamol cũng không phát hiện được trường hợp nào dị dạng hoặc độc cho thai. Do đó, trong điều kiện bình thường, có thể dùng salbutamol nếu cần.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú:

Các thuốc kích thích beta có bài tiết vào sữa mẹ, có thể làm đứa trẻ bú mẹ có tim đập nhanh và tăng glucose huyết. Do đó, nên thận trọng khi dùng thuốc. Chỉ sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú khi lợi ích vượt trội nguy cơ.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Thuốc có thể gây đánh trống ngực, nhức đầu. Do đó, không lái xe, vận hành máy móc, làm việc trên cao khi gặp tác dụng không mong muốn của thuốc.

Tương tác thuốc:

Tránh phối hợp:

Thuốc chẹn beta không chọn lọc: Salbutamol và thuốc chẹn beta không chọn lọc, như propranolol, thường tránh kê đơn đồng thời do thuốc này chống lại tác dụng giãn phế quản của salbutamol.

Thuốc gây mê halogen (halothan): Ở phụ nữ mang thai, khi sử dụng đồng thời với salbutamol có thể gây đỡ từ cung với nguy cơ xuất huyết. Ngoài ra, rối loạn nhịp thất nghiêm trọng do tăng phản ứng trên tim đã được báo cáo. Điều trị bằng salbutamol nên được dừng lại càng sớm càng tốt, ít nhất 6 giờ trước khi gây mê với thuốc gây mê halogen.

Thận trọng khi phối hợp:

Corticosteroid: Corticosteroid được sử dụng trong quá trình sinh non để tăng cường quá trình phát triển phổi cho thai nhi. Đã có những báo cáo gây phù phổi ở bệnh nhân nữ khi sử dụng đồng thời với salbutamol và thuốc chủ vận beta giao cảm. Corticosteroid còn được biết tới khả năng gây tăng đường huyết và giảm kali máu. Do đó trong quá trình sử dụng đồng thời, bệnh nhân nên được theo dõi đường huyết và kali máu liên tục.

Thuốc điều trị đái tháo đường: Các thuốc chủ vận beta giao cảm đều có khả năng gây tăng đường huyết, do đó làm giảm tác dụng của thuốc điều trị đái tháo đường. Vì vậy khi sử dụng đồng thời các thuốc này, cần điều chỉnh lại liều các thuốc điều trị đái tháo đường cho bệnh nhân.

Thuốc gây hạ kali máu (thuốc lợi tiểu quai, digoxin, methyl xanthin và corticosteroid): Dùng đồng thời với chất chủ vận beta₂ làm tăng nguy cơ hạ kali máu. Chỉ dùng phối hợp sau khi đánh giá cẩn thận các lợi ích và rủi ro, đặc biệt liên quan đến tăng nguy cơ loạn nhịp tim thứ phát do kết quả của hạ kali máu.

Tương kỵ thuốc:

Dung dịch dùng để pha thuốc: Dung dịch đẳng trương natri clorid 0,9% hoặc dung dịch glucose đẳng trương 5% hoặc hỗn hợp dung dịch đẳng trương natri clorid 0,9% và dung dịch glucose 5%.

Không pha, trộn thêm bất kỳ một thứ thuốc nào khác vào thuốc tiêm hay dung dịch truyền có thuốc salbutamol.

Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR):

Bảng phân loại tần suất ADR: Rất thường gặp (ADR ≥ 1/10), thường gặp (1/100 ≤ ADR < 1/10), ít gặp (1/1.000 ≤ ADR < 1/100), hiếm gặp (1/10.000 ≤ ADR < 1/1.000), rất hiếm gặp (ADR < 1/10.000), không rõ (tần suất không xác định từ dữ liệu sẵn có)

Trong nội khoa hô hấp:

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
Rối loạn hệ thống miễn dịch	Rất hiếm gặp	Phản ứng quá mẫn bao gồm phù mạch, co thắt phế quản, hạ huyết áp.
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	Hiếm gặp	Hạ kali máu
	Rất hiếm gặp	Nhiễm toan acid lactic*
Rối loạn thần kinh	Rất thường gặp	Run rẩy
	Thường gặp	Đau đầu
Rối loạn tâm thần	Rất hiếm gặp	Rối loạn hành vi: Hồi hộp, bồn chồn.
Rối loạn tim	Rất thường gặp	Nhịp tim nhanh, đánh trống ngực
	Hiếm gặp	Loạn nhịp tim ví dụ như rung tâm nhĩ, nhịp nhanh thất, ngoại tâm thu.
	Không rõ	Thiếu máu cơ tim
Rối loạn mạch máu	Hiếm gặp	Giãn mạch ngoại vi
Rối loạn cơ xương và mô liên kết	Thường gặp	Chuột rút cơ bắp

(*): Các trường hợp nhiễm acid lactic rất hiếm khi được báo cáo ở những bệnh nhân dùng salbutamol đường tĩnh mạch để điều trị các cơn hen cấp tính.

Trong sản khoa:

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
Rối loạn hệ thống miễn dịch	Rất hiếm gặp	Phản ứng quá mẫn bao gồm phù mạch, co thắt phế quản, hạ huyết áp.
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	Thường gặp	Hạ kali máu
	Hiếm gặp	Tăng đường huyết
Rối loạn thần kinh	Rất thường gặp	Run rẩy
	Thường gặp	Đau đầu
Rối loạn tâm thần	Rất hiếm gặp	Rối loạn hành vi: Hồi hộp, bồn chồn.
Rối loạn tim	Rất thường gặp	Nhịp tim nhanh
	Thường gặp	Đánh trống ngực, giảm huyết áp tâm trương

	Hiếm gặp	Rối loạn nhịp tim bao gồm rung tâm nhĩ, nhịp nhanh trên thất, ngoại tâm thu, thiếu máu cơ tim.
Rối loạn mạch máu	Thường gặp	Tụt huyết áp
	Hiếm gặp	Giãn mạch ngoại vi
Rối loạn hô hấp, lồng ngực	Ít gặp	Phù phổi.
Rối loạn tiêu hóa	Rất hiếm gặp	Buồn nôn, nôn mửa
Rối loạn cơ xương và mô liên kết	Thường gặp	Chuột rút cơ bắp
Chấn thương, ngộ độc và các biến chứng khác	Rất hiếm gặp	Đau nhẹ hoặc cảm giác nóng rát tại chỗ tiêm.

Hướng dẫn cách xử trí ADR:

Các tác dụng không mong muốn của thuốc có thể được hạn chế hoặc tránh bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông số huyết động, như huyết áp và nhịp tim, và điều chỉnh liều thích hợp. Chúng thường biến mất khi ngừng điều trị.

"Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc"

Quá liều và cách xử trí:

Triệu chứng: Trong trường hợp dùng thuốc quá liều gây ngộ độc, tùy theo mức độ nặng nhẹ có thể biểu hiện một số các triệu chứng như: Khó chịu, nhức đầu, hoa mắt, chóng mặt, buồn nôn, bồn chồn, run các đầu chi, tim đập nhanh, loạn nhịp tim, thay đổi huyết áp, co giật, có thể hạ kali máu.

Xử trí: Nếu ngộ độc nặng: Ngừng dùng salbutamol ngay và tiến hành điều trị các triệu chứng. Cho thuốc chẹn beta (ví dụ metoprolol tartrat) nếu thấy cần thiết và phải thận trọng vì có nguy cơ dẫn đến co thắt phế quản. Việc điều trị như trên phải được tiến hành trong bệnh viện. Cần tăng cường theo dõi ở người bị hen, bệnh phổi mạn tính tắc nghẽn, đái tháo đường và suy tim.

Đặc tính dược lực học:

Mã ATC: R03AC02

Salbutamol còn gọi là albuterol (Hoa Kỳ) là một amin tổng hợp có tác dụng giống thần kinh giao cảm tác dụng trực tiếp, có trên thị trường dưới dạng salbutamol sulfat. Salbutamol kích thích các thụ thể beta₂-adrenergic đặc hiệu đối với beta₂; adrenergic. Khi cho theo đường tiêm, tính đặc hiệu tương đối giảm khi tăng liều. Kích thích beta₂-adrenergic gây giãn cơ trơn của phế quản, tử cung. Salbutamol khi tiêm tĩnh mạch gây thư giãn tử cung trong đa số trường hợp, nhưng khởi đầu tác dụng khác nhau và phụ thuộc vào liều dùng. Salbutamol có một số tác dụng về chuyển hóa thông qua kích thích thụ thể beta₂. Tiêm tĩnh mạch salbutamol gây ra tăng nhiều nồng độ acid béo không este hóa và cũng tăng nồng độ insulin. Nồng độ lactat tăng đáng kể và nồng độ glucose trong huyết tương tăng nhẹ. Giải phóng insulin được coi là do kích thích thụ thể beta₂; và không do nồng độ glucose huyết tương tăng, nồng độ này chỉ tăng nhẹ và sau khi tăng insulin. Salbutamol tiêm tĩnh mạch cũng làm giảm nồng độ K⁺ huyết tương do kali di chuyển vào trong tế bào kết hợp với tăng nồng độ glucose và insulin. Khi tiêm tĩnh mạch liều cao, kích thích thụ thể beta₂ gây tác dụng tăng lực cơ cơ và tăng tần số tim.

Cơ chế tác dụng: Salbutamol kích thích các thụ thể beta₂ và có ít hoặc không có tác dụng đến các thụ thể alpha. Các chất chủ vận beta₂ kích thích sản xuất AMP vòng (cAMP) bằng cách hoạt hóa enzym adenyl cyclase. cAMP là chất trung gian cho nhiều đáp ứng tế bào. Tăng cAMP trong tế bào làm tăng hoạt tính của protein kinase A phụ thuộc cAMP, ức chế phosphoryl hóa myosin và làm giảm nồng độ Ca²⁺ trong tế bào, dẫn đến làm giãn cơ trơn của tử cung cũng như của phế quản. Các cơ chế tương tự thúc đẩy giải phóng insulin và tiêu glycogen. Tăng acid béo tự do và di chuyển kali được coi là hậu quả. Tăng nồng độ cAMP trong tế bào cũng ngăn cản giải phóng histamin, SRS-A và các chất trung gian khác của đáp ứng dị ứng từ các đường bào.

Đặc tính dược động học:

Tiêm tĩnh mạch trực tiếp salbutamol cho nồng độ đỉnh tức thì, tiếp theo là giảm theo luật hàm số mũ. Salbutamol tiêm dưới da đạt nồng độ đỉnh hầu như tức thì. Sinh khả dụng 100%, 20-30% liều được chuyển hóa.

Phân bố: Khoảng 10% salbutamol liên kết với protein huyết tương. Nghiên cứu trên động vật cho thấy salbutamol qua hàng rào máu - não, nồng độ ở não đạt khoảng 5% nồng độ huyết tương. Ở các tuyến ngoài hàng rào máu - não (tuyến tụy, tuyến yên), thuốc đạt nồng độ gấp 100 lần nồng độ trong toàn não bộ. Salbutamol qua hàng rào nhau thai và vào được sữa mẹ.

Chuyển hóa: Salbutamol qua chuyển hóa bước đầu ở gan và có thể cả ở thành ruột nhưng không chuyển hóa ở phổi, chất chuyển hóa chính là chất liên hợp sulfat không có hoạt tính.

Thời trừ: Salbutamol thải trừ nhanh, chủ yếu đào thải qua nước tiểu, đa số dưới dạng thuốc không chuyển hóa; một tỷ lệ nhỏ thải trừ qua phân. Thời gian bán thải khỏi huyết tương của salbutamol dao động từ 4 đến 6 giờ.

Quy cách đóng gói: Hộp 4 vỉ x 5 ống x 5 ml. Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5 ml.

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Hạn dùng sau khi pha loãng: 24 giờ, bảo quản ở điều kiện nhiệt độ dưới 30°C.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
Số 777 Đường Mê Linh - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774
Địa chỉ nhà máy: Thôn Mậu Thông - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc